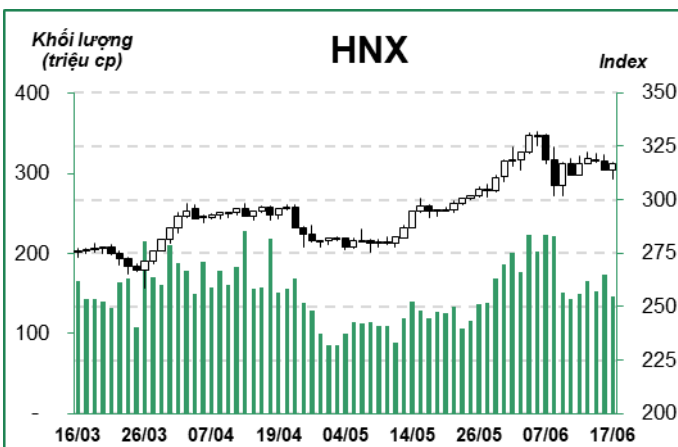
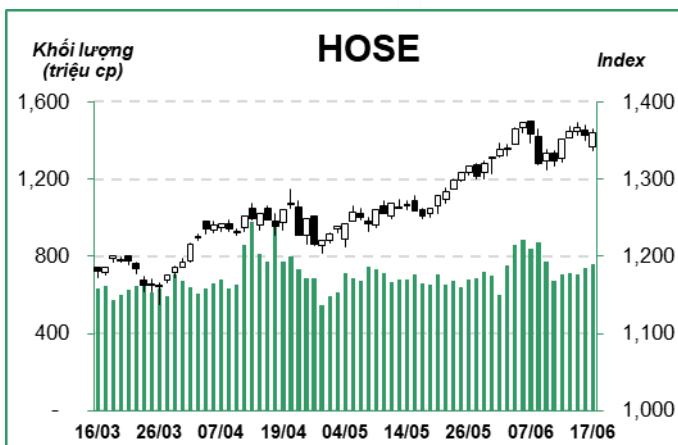


## Tổng quan thị trường

17/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,359.92</b>	<b>0.25%</b>	<b>1,461.91</b>	<b>-0.25%</b>	<b>317.07</b>	<b>1.09%</b>
Cuối tuần trước	1,351.74	0.61%	1,487.61	-1.73%	316.69	0.12%
Trung bình 20 ngày	1,342.24	1.32%	1,468.67	-0.46%	316.22	0.27%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>768.73</b>	<b>-0.12%</b>	<b>221.73</b>	<b>-10.25%</b>	<b>153.58</b>	<b>-16.54%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>757.10</b>	<b>2.27%</b>	<b>221.57</b>	<b>-8.30%</b>	<b>146.40</b>	<b>-16.01%</b>
Trung bình 20 ngày	745.18	1.60%	270.23	-18.00%	174.19	-15.95%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>22,518.04</b>	<b>-3.91%</b>	<b>10,840.39</b>	<b>-12.83%</b>	<b>3,516.87</b>	<b>-22.95%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>21,839.02</b>	<b>-1.48%</b>	<b>10,086.43</b>	<b>-16.49%</b>	<b>3,334.29</b>	<b>-23.60%</b>
Trung bình 20 ngày	23,996.67	-8.99%	13,667.59	-26.20%	4,145.25	-19.56%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	219	50%	14	47%	132	36%
<b>Số mã giảm</b>	165	37%	13	43%	76	21%
<b>Số mã đứng giá</b>	57	13%	3	10%	162	44%



Chứng khoán Việt Nam mở cửa lao dốc khá mạnh khi thị trường phản ứng trước phiên giảm điểm và đóng cửa thấp nhất phiên của phố Wall đêm hôm trước do những tuyên bố về khả năng điều chỉnh lạm phát sớm hơn dự kiến từ Fed. Tuy nhiên, các chỉ số đã hồi phục trở lại trong phiên chiều nhờ dòng tiền lan tỏa trở lại ở một số cổ phiếu Bluechips và gia tăng mạnh mẽ hơn ở nhóm midcap và penny.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa tăng nhẹ trên tham chiếu tại mức 1,359.92 điểm (+0.25%). Thanh khoản duy trì tương đương với phiên hôm qua với KLGĐ khớp lệnh đạt 757.1 triệu cổ phiếu (+2.3%), tương đương 21,839 tỷ đồng giá trị (-1.5%). Độ rộng thị trường đảo chiều với sự thắng thế trở lại của bên mua khi toàn sàn ghi nhận 219 mã tăng/165 mã giảm.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có diễn biến phân hóa giằng co khá mạnh. Riêng nhóm ngân hàng bắt đầu xuất hiện một vài tín hiệu tích cực trở lại do những thông tin liên quan đến nới room tín dụng của NHNN. Trong đó, MBBank-MBB (+3.1%), BIDV-BID (+1.3%), Ngân hàng Bưu điện Liên Việt-LPB (+5.4%) là những cổ phiếu tăng tích cực nhất trong nhóm này. Tuy nhiên, dòng tiền lan tỏa mạnh hơn ở các nhóm cổ phiếu midcap, đặc biệt là các nhóm ngành đường, cao su, thủy sản, cảng biển. Ngoài ra, nhóm penny cũng bất ngờ nổi sóng trong phiên hôm nay với một số mã tăng trần như Tập đoàn FLC-FLC (+6.9%), FLC FAROS-ROS (+6.9%), Đức Long Gia Lai-DLG (+6.9%). Ở chiều ngược lại, Vingroup-VIC (-1.8%), Vinhomes-VHM (-0.9%), VPBank-VPB (-1.2%) và Sabeco-SAB (-1.8%) gây áp lực giảm điểm chính cho chỉ số.

Khối ngoại có phiên bán ròng thứ 2 liên tiếp trên sàn HoSE, đạt giá trị 113.6 tỷ đồng (+71.5%). Trong đó, giá trị bán ròng tập trung ở các cổ phiếu như Hòa Phát-HPG (-160.1 tỷ),

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
EIB	17,272.8	516.81
IMP	4,915.7	373.10
VNM	1,872.9	170.67
VCB	1,339.1	140.10
KBC	3,125.0	118.19
VPB	1,173.2	80.97
NVL	780.0	80.01
E1VFN30	2,600.0	64.08
TCB	1,200.9	59.89
PNJ	575.9	55.08
<b>HNX</b>		
SHB	5,020.5	122.05
PAN	1,000.1	28.00
CSC	350.0	17.50
NVB	324.0	5.83
VC3	194.0	4.18
TAR	150.0	2.94
HCT	135.1	1.66

Vietinbank-CTG (-156.1 tỷ), MBBank-MBB (-145.6 tỷ). Trái lại, dẫn đầu ở chiều mua ròng là Vietcombank-VCB (+216.5 tỷ), Vinamilk-VNM (+63.3 tỷ), Vincom Retail-VRE (+55.2 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index đóng cửa gần như cao nhất phiên tại mức 317.07 điểm (+1.09%). Tuy nhiên, thanh khoản lại giảm xuống mức thấp nhất kể từ đầu tháng 6 tới nay với KLGĐ khớp lệnh đạt 146.4 triệu cổ phiếu (-16.0%), tương đương 3,334.3 tỷ đồng giá trị (-23.6%).

Mặc dù dòng tiền chảy vào sàn HNX không nhiều, các cổ phiếu trụ trên sàn HNX đa phần đều lấy lại được sắc xanh trong phiên hôm nay. Dẫn đầu đà tăng cho chỉ số là Vicostone-VCS (+2.7%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+5.5%), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.7%), Dầu khí PTSC-PVS (+2.4%). Trong khi đó, Ngân hàng Bắc Á-BAB (-0.4%), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-0.4%) là những cổ phiếu trụ hiếm hoi đóng cửa với mức giảm nhẹ.

Trái ngược với sàn HNX, khối ngoại có động thái mua ròng trở lại trên sàn HNX, đạt giá trị 20.2 tỷ đồng. Chủ yếu là mua ròng một số cổ phiếu như Thaiholdings-THD (+24.1 tỷ), Chứng khoán VNDIRECT-VND (+15.5 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+8.9 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Dầu khí PTSC-PVS (-15.3 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (-10.8 tỷ), Pharmedic-PMC (-1.0 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch ở dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý áp lực bán không quá mạnh. Không những vậy, chỉ số giữ vững trên MA5, cùng đường MA20 hướng lên tích cực cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn. Thêm vào đó, đường RSI đang có dấu hiệu tăng trở lại cho thấy động lực phục hồi đang mạnh dần lên. Chỉ số có thể sớm thử thách ngưỡng kháng cự gần quanh vùng 1,370 – 1,375 điểm (đỉnh cũ) hoặc xa hơn là vùng tâm lý 1,400 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại từ vùng hỗ trợ xu hướng quanh MA20, cùng với RSI nằm trên vùng 57, cho thấy chỉ số vẫn giữ được xu hướng tăng và mở ra cơ hội tiến lên thử thách ngưỡng 330 điểm (đỉnh cũ). Nhìn chung, thị trường có thể vẫn giữ được xu hướng tăng và phiên giao dịch ngày 17/6 cho thấy áp lực điều chỉnh có thể đã được rũ bỏ. Do đó, nhà đầu tư nên cân nhắc gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NBB	29.1	219.1	7.0%
AAA	19.2	24,665.4	7.0%
GTA	15.4	74.8	6.9%
VDS	26.2	1,593.2	6.9%
DBT	17.0	288.2	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SMA	8.6	1.8	-7.0%
CIG	6.0	14.7	-7.0%
SFC	25.8	0.1	-6.9%
NVT	9.8	0.8	-6.9%
SVI	78.0	0.4	-6.8%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	66.0	1,113.3	-1.2%
HPG	51.4	1,050.2	-0.8%
MBB	39.9	1,038.1	3.1%
TCB	50.2	997.3	-1.0%
CTG	50.5	872.6	0.0%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FLC	14.7	50,669.9	6.9%
ROS	7.2	32,984.2	6.9%
MBB	39.9	26,649.0	3.1%
AAA	19.2	24,665.4	7.0%
DLG	3.6	20,954.9	6.9%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DNP	23.1	20.1	10.0%
DPC	21.0	3.4	9.9%
VSA	27.1	41.4	9.7%
KTS	17.0	34.1	9.7%
NBW	22.8	5.6	9.6%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LBE	20.9	0.4	-9.9%
VDL	21.3	0.1	-9.7%
HTC	31.6	3.0	-9.5%
CAN	34.5	0.1	-9.2%
GDW	21.1	1.0	-8.7%

#### Top 5 giá trị

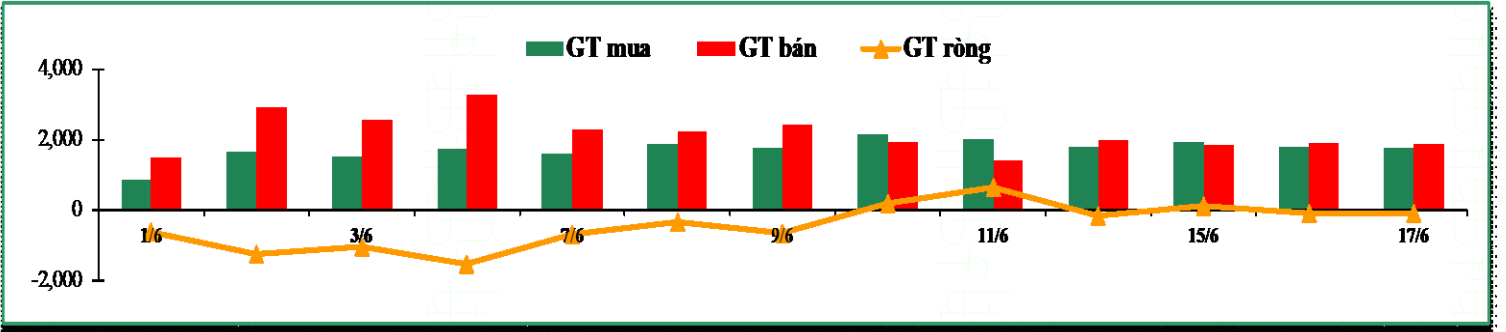
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	27.2	938.0	0.7%
PVS	30.0	483.0	2.4%
SHS	42.2	310.9	1.7%
VND	43.9	245.7	2.8%
THD	197.1	176.7	0.3%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	27.2	35,638.4	0.7%
PVS	30.0	16,281.2	2.4%
KLF	5.5	15,849.1	7.8%
NVB	19.2	8,459.5	5.5%
SHS	42.2	7,499.6	1.7%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,700.7	7.6%	1,814.3	8.1%	-113.6
HNX	71.6	2.0%	51.4	1.5%	20.2
<b>Tổng số</b>	<b>1,772.3</b>		<b>1,865.8</b>		<b>-93.5</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	91.0	228.1	-0.9%
VCB	104.2	223.2	0.2%
VRE	32.9	114.5	0.2%
HPG	51.4	86.5	-0.8%
VHM	109.0	81.8	-0.9%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	51.4	246.6	-0.8%
CTG	50.5	167.3	0.0%
VNM	91.0	164.8	-0.9%
MBB	39.9	164.0	3.1%
NVL	102.2	100.4	-1.3%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	104.2	216.5	0.2%
VNM	91.0	63.3	-0.9%
VRE	32.9	55.2	0.2%
VHM	109.0	43.1	-0.9%
SSI	50.5	40.1	2.2%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	43.9	26.7	2.8%
THD	197.1	24.1	0.3%
SHB	27.2	10.4	0.7%
VCS	107.6	4.9	2.7%
PAN	29.4	2.0	2.1%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	30.0	15.5	2.4%
PAN	29.4	12.8	2.1%
VND	43.9	11.2	2.8%
VCS	107.6	2.6	2.7%
SHB	27.2	1.5	0.7%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	197.1	24.1	0.3%
VND	43.9	15.5	2.8%
SHB	27.2	8.9	0.7%
VCS	107.6	2.4	2.7%
NBC	9.1	0.5	1.1%

## Tin trong nước

### **Sản lượng thép tiêu thụ trong tháng 5 tiếp tục giảm, tồn kho thấp**

Theo thông tin từ Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), sản lượng thép xây dựng sản xuất trong tháng 5 đạt 1.073.011 tấn, tăng 4,84% so với tháng 4 và tăng 18,4% so với cùng kỳ 2020.

Tuy nhiên, sản lượng thép bán ra trong tháng 5 lại giảm. Cụ thể, lượng thép bán ra trong tháng 5 đạt 954.318 tấn so với 1.179.170 tấn trong tháng 4, giảm 19,07% nhưng tăng 5,8% so với cùng kỳ 2020.

Lũy kế 5 tháng, sản xuất thép xây dựng đạt 4.778.532 tấn, tăng 12,9% so với cùng kỳ 2020. Sản lượng bán ra đạt 4.661.230 tấn, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, xuất khẩu đạt 695.018 tấn, tăng 29% so với cùng kì năm 2020.

Tồn kho thời điểm 31/5 là 706.775 tấn. Đây là mức tồn kho thấp so mức tồn kho trung bình trong những năm gần đây, để gói đầu tiêu thụ các tháng tiếp theo.

### **Xuất khẩu mực, bạch tuộc sang Trung Quốc tăng 21%**

Trong 3 năm trở lại đây, xuất khẩu mực, bạch tuộc của Việt Nam sang Trung Quốc có xu hướng tăng liên tục. Giá trị xuất khẩu mực, bạch tuộc năm 2020 tăng gần 61% so với năm 2019. Bước sang năm 2021, xu hướng tăng trưởng này vẫn tiếp tục duy trì.

Theo số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam, lũy kế 4 tháng đầu năm, xuất khẩu sang Trung Quốc đạt hơn 9,7 triệu USD tăng 21% so với cùng kỳ.

Theo các chuyên gia kinh tế, năm 2021, dịch bệnh Covid-19 tại Trung Quốc đã được khống chế, chính quyền Trung Quốc đã nới lỏng dần các biện pháp cách ly nên nhu cầu nhập khẩu mực, bạch tuộc của nước này phục hồi.

### **Nửa đầu năm 2021, hàng container qua cảng biển Việt Nam tăng 22%**

Theo số liệu Cục Hàng hải Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải), tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam của 6 tháng đầu năm ước đạt gần 363 triệu tấn, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, hàng nhập khẩu đạt 93 triệu tấn, hàng nhập khẩu đạt 114 triệu tấn và hàng nội địa đạt 156 triệu tấn.

Riêng hàng container qua cảng biển đạt 12,4 triệu TEUs, tăng 22% so với cùng kỳ năm ngoái. Đối với hàng container xuất khẩu ước đạt 4 triệu TEUs, tăng 17%; hàng container nhập khẩu ước đạt 4,1 triệu TEUs, tăng tới 26% và hàng container nội địa ước đạt hơn 4,3 triệu TEUs, tăng 24%.

Trong khi đó, 5 tháng đầu năm, tổng sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam đạt 302 triệu tấn (không bao gồm hàng quá cảnh không xếp dỡ tại cảng), tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020.



## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Doanh thu PV Power tháng 5 giảm 7%**

PV Power (HoSE: POW) thông báo sản lượng điện tháng 5 đạt 1,5 tỷ kWh, thực hiện được 83% kế hoạch tháng và giảm 25% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhà máy thủy điện Đakđrinh và nhà máy điện Vũng Áng 1 vượt kế hoạch tháng.

Tổng công ty ghi nhận doanh thu tháng 5 đạt 2.537 tỷ đồng, tương đương 79% kế hoạch tháng và giảm 7% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 5 tháng, PV Power ghi nhận sản lượng 7,89 tỷ kWh VÀ 12.749 tỷ đồng doanh thu; lần lượt giảm 12,3% và giảm 2% so với 5 tháng 2020.

Năm 2021, PV Power đặt kế hoạch doanh thu 28.403,6 tỷ đồng, giảm 6% so với thực hiện năm 2019 và lãi trước thuế 1.548 tỷ đồng, giảm 42%. Qua quý đầu năm, tổng công ty đã thực hiện 27% kế hoạch doanh thu và 44% kế hoạch lợi nhuận.

### **Bất động sản Phát Đạt (PDR): Rót 50 tỷ thành lập công ty con Phát Đạt Realtor, sở hữu 51% cổ phần**

HDQT Bất động sản Phát Đạt (PDR) vừa thông qua chủ trương góp vốn thành lập công ty con là CTCP Kinh doanh BĐS Phát Đạt Realtor. Vốn điều lệ ban đầu là 98 tỷ đồng, trong đó PDR góp 49,98 tỷ - tương đương tỷ lệ 51% vốn.

Bên cạnh bất động sản thương mại, năm 2021 PDR có mở rộng sang lĩnh vực bất động sản công nghiệp và triển khai dự án đầu tiên có quy mô 24ha tại khu vực Cảng Cái Mép, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Kết thúc quý 1/2021, doanh thu thuần PDR đạt hơn 586 tỷ đồng, giảm 6,9% so với quý 1/2020. Lãi sau thuế 251 tỷ đồng, tăng 59%.

### **Đạm Cà Mau (DCM) dự chi hơn 420 tỷ đồng trả cổ tức, giá cổ phiếu tăng 44% kể từ đầu năm**

Ngày 8/7 tới đây CTCP Phân bón dầu khí Cà Mau (mã chứng khoán DCM) sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền. Tỷ lệ thanh toán 8%. Thời gian thanh toán 27/7/2021. Như vậy với 529,4 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Đạm Cà Mau sẽ chi khoảng 423 tỷ đồng trả cổ tức đợt này cho cổ đông.

Năm 2020 Đạm Cà Mau đạt 7.561 tỷ đồng doanh thu, tăng 7,4% so với năm 2019 và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng gần 55% so với cùng kỳ, lên trên 662 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt 661 tỷ đồng. EPS đạt 1.01

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	POW	Mua	18/06/21	12.4	12.4	0.0%	14.3	15.3%	11.7	-5.6%	Tạo nền giá tích cực và có cơ hội bước vào nhịp tăng mới

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	BMP	Quan sát mua	18/06/21	61.4	68-70	Tín hiệu retest trendline thành công với nền rút chân, đóng cửa cao nhất phiên -> khả năng tiếp tục nhịp tăng và vượt kháng cự 62-64
2	HT1	Quan sát mua	18/06/21	16.8	18.8-19.2	Tín hiệu điều chỉnh retest MA200 khá tốt sau nền breakout trước đó -> khả năng sớm tăng trở lại
3	DXP	Quan sát mua	18/06/21	16.7	18 19-19.5	Tín hiệu retest MA50 khá tốt với nền tăng bao phủ thân nền giảm trước đó kèm vol cao trở lại -> khả năng sớm tăng trở lại
4	TLG	Quan sát mua	18/06/21	37.15	42	Tín hiệu test đáy khá tốt với nền, vol nhỏ dần + xuất hiện nền rút chân dài kèm vol cao -> có cơ hội tạo đáy thành công quanh vùng giá hiện tại, cần nền tăng > 37.5 để xác nhận

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	58	49.9	16.2%	60	20.2%	47	-6%	
2	PVS	Nắm giữ	19/05/21	30	21.8	37.6%	31.3	43.6%	20.5	-6%	
3	BVH	Mua	04/06/21	62	54.9	12.9%	63	15%	53	-3%	
4	VRE	Mua	10/06/21	32.85	31.7	3.6%	36	14%	30	-5%	
5	PLC	Mua	14/06/21	28	26.4	6.1%	30.6	16%	24.7	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	KBC	Mua	15/06/21	38.95	35.4	10.0%	42	19%	33.3	-6%
7	VCS	Mua	16/06/21	107.6	103.7	3.8%	122	18%	97.8	-6%
8	SBT	Mua	17/06/21	22.55	21.1	6.9%	24	14%	20.4	-3%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 17/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,000	-3.2%	249%	13,110	5	82,600	7,585	(1,415)	SSI	FPT	50,000	4.3	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,200	-5.4%	180%	7,690	18	82,600	1,573	(2,627)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,250	2.9%	225%	5,540	97	33,600	802	(2,448)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	43,950	-0.1%	671%	2,500	13	51,400	36,314	(7,636)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,400	-0.6%	700%	2,860	97	51,400	1,756	(6,644)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	29,000	-1.0%	339%	620	18	51,400	14,919	(14,081)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	13,950	-1.4%	258%	3,490	19	51,400	6,298	(7,652)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,500	-4.0%	467%	4,000	18	51,400	3,022	(5,478)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,440	-0.1%	448%	6,260	53	51,400	6,354	(10,086)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	13,500	-0.7%	229%	4,670	71	51,400	1,435	(12,065)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	5,460	-1.4%	320%	18,550	56	51,400	1	(5,459)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	5,370	-1.3%	348%	23,260	56	51,400	1	(5,369)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,800	0.5%	138%	4,590	60	36,900	2,684	(1,116)	KIS	KDH	27,333	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,850	0.0%	185%	9,740	97	36,900	863	(1,987)	KIS	KDH	33,333	4.5	22/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CKDH2102	2,800	5,800	0.0%	107%	8,810	57	36,900	3,280	(2,520)	MBS	KDH	31,100	1.8	13/08/2021
CMBB2101	1,600	7,200	5.0%	350%	27,580	19	39,900	6,965	(235)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,180	-0.3%	165%	8,170	56	39,900	555	(2,625)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,750	-4.2%	162%	4,410	97	103,000	298	(2,452)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,460	2.5%	146%	2,260	97	103,000	71	(2,389)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	5,610	-3.1%	87%	12,090	57	103,000	2,550	(3,060)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	24,790	3.3%	107%	1,350	13	139,000	21,537	(3,253)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2101	2,400	2,700	3.9%	13%	7,480	19	139,000	2,213	(487)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,190	6.9%	106%	5,940	46	139,000	3,865	(2,325)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	1,590	13.6%	-16%	18,390	18	139,000	1,064	(526)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	8,450	0.6%	252%	5,120	(87)	139,000	(250)	(8,700)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,500	8.4%	53%	7,180	71	139,000	1,088	(3,412)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	4,570	-6.7%	357%	7,570	97	102,200	2,106	(2,464)	KIS	NVL	77,999	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	2,960	-3.0%	169%	14,350	102	102,200	0	(2,960)	KIS	NVL	128,399	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,630	1.5%	321%	9,540	71	91,700	899	(3,731)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	5,150	0.8%	368%	2,590	102	91,700	1,115	(4,035)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,050	0.0%	21%	13,620	19	95,500	1,776	(274)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,900	7.0%	145%	6,570	46	95,500	3,143	(1,757)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CREE2101	2,300	2,800	21.7%	22%	33,640	19	60,000	3,013	213	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,710	8.4%	146%	13,800	97	22,550	64	(2,646)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,490	3.0%	549%	6,560	97	29,400	3,765	(2,725)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,700	1.3%	450%	9,320	53	29,400	5,728	(1,972)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,050	-0.5%	151%	12,670	71	29,400	6,596	(3,454)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	29,000	-1.0%	437%	7,590	43	50,200	28,256	(744)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	23,900	0.8%	378%	5,150	110	50,200	19,400	(4,500)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	7,740	-0.1%	237%	9,610	19	50,200	7,120	(620)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,400	1.1%	224%	17,160	53	50,200	7,405	(1,995)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,100	-0.8%	255%	6,540	71	50,200	2,355	(4,745)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,040	-0.5%	28%	7,890	60	22,200	31	(2,009)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,670	-3.3%	167%	1,050	97	22,200	72	(2,598)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	2,630	-6.4%	-4%	4,070	57	22,200	13	(2,617)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,550	-2.5%	29%	17,720	56	22,200	(0)	(1,550)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	3,000	-1.6%	173%	6,880	97	109,000	323	(2,677)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,500	-9.8%	32%	24,390	19	109,000	2,210	(290)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,090	-1.3%	93%	24,150	53	109,000	1,132	(1,958)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,100	-7.7%	107%	12,510	57	109,000	622	(2,478)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2106	1,300	3,310	-4.3%	155%	16,420	56	109,000	11	(3,299)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	3,000	-1.0%	200%	8,730	97	117,000	48	(2,952)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,320	-4.9%	111%	3,800	102	117,000	0	(2,320)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	2,230	0.5%	103%	400	97	91,000	0	(2,230)	KIS	VNM	126,888	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	300	42.9%	-82%	37,550	19	91,000	(0)	(300)	VND	VNM	108,994	9.8	06/07/2021
CVNM2104	1,480	2,850	-2.4%	93%	7,370	88	91,000	8	(2,842)	MBS	VNM	103,000	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,800	-0.6%	64%	10,730	102	91,000	0	(1,800)	KIS	VNM	119,399	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	39,600	-2.3%	607%	2,360	43	66,000	40,066	466	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	14,940	-2.2%	415%	3,330	19	66,000	14,521	(419)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	15,350	-1.6%	469%	10,880	53	66,000	14,807	(543)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,020	-4.5%	221%	3,570	71	66,000	5,735	(2,285)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	6,570	1.7%	31%	6,590	43	32,850	5,419	(1,151)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,490	3.3%	108%	1,160	97	32,850	164	(2,326)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,120	-0.9%	-38%	32,710	19	32,850	721	(399)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,130	-0.9%	64%	12,230	53	32,850	312	(1,818)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,220	3.9%	7%	4,520	57	32,850	130	(3,090)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
KDH	(New)	HOSE	36,900	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC	(New)	HOSE	41,150	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
GMD	(New)	HOSE	44,000	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	(New)	HOSE	19,150	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG	(New)	HOSE	38,750	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE		HOSE	32,850	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	109,000	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	59,500	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	33,950	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	41,150	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

KBC		HOSE	38,950	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	60,000	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	31,950	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	47,500	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	39,000	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	42,000	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	81,200	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	95,000	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	27,800	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	126,900	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	95,500	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	139,000	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	166,000	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	103,000	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	91,000	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	88,000	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	38,300	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	102,200	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	43,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	104,200	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	34,900	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	50,200	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	17,400	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	61,400	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	62,500	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	82,600	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	18,900	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	36,400	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	71,400	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	56,700	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	22,550	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	42,800	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	93,900	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

MSH		HOSE	63,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	25,600	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	60,300	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	21,300	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	18,850	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	41,650	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	94,000	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,400	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.